UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XẾP GIẢI KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 9 VÀ LỚP 12 NĂM HỌC 2019-2020
MÔN THI: TOÁN - LỚP 9

TT	Phòng	SBD	Trường	Họ và tên		GT	Lớp	Ngày sinh	Môn	Bảng	Điểm	Giải	Ghi chú
1	026	02.0464	THCS Trần Phú-DL	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nữ	9/1	28/09/2005	Toán	A	15,000	Nhất	
2	047	03.0880	THCS Kim Đồng-HA	Đỗ Phan Tuấn	Phát	Nam	9/1	02/11/2005	Toán	A	13,750	Nhì	
3	048	03.0908	THCS Lý Tự Trọng-ĐB	Phan Thị Ngọc	Vy	Nữ	9/4	02/01/2005	Toán	A	13,750	Nhì	
4	025	02.0427	THCS Nguyễn Trãi-ĐL	Trần Ngọc	Hân	Nữ	9/5	16/02/2005	Toán	A	13,500	Nhì	
5	099	06.1884	THCS Lý Thường Kiệt-TK	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	9	19/11/2005	Toán	A	13,500	Nhì	
6	100	06.1899	THCS Lý Tự Trọng-TK	Phạm Gia Hùng	Khoa	Nam	9	09/05/2005	Toán	A	13,500	Nhì	
7	025	02.0432	THCS Trần Hưng Đạo-ĐL	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	9/2	30/03/2005	Toán	A	13,250	Nhì	
8	046	03.0840	THCS Kim Đồng-HA	Võ Quỳnh Châu	Anh	Nữ	9/1	14/02/2005	Toán	A	13,250	Nhì	
9	026	02.0448	THCS Nguyễn Chí Thanh-DX	Huỳnh Phước	Mạnh	Nam	9/1	29/06/2005	Toán	A	13,000	Nhì	
10	047	03.0883	THCS Kim Đồng-HA	Phạm Minh	Quang	Nam	9/1	28/03/2005	Toán	A	13,000	Nhì	
11	078	05.1457	THCS Đông Phú-QS	Trương Thanh	Nhân	Nam	9	11/06/2005	Toán	A	12,750	Nhì	
12	025	02.0434	THCS Chu Văn An-DX	Lê Lưu Trung	Kiên	Nam	9/1	16/08/2005	Toán	A	12,500	Ba	
13	046	03.0849	THCS Lê Trí Viễn-ĐB	Nguyễn Hữu Minh	Hiền	Nam	9/1	18/06/2005	Toán	A	12,500	Ba	
14	046	03.0854	THCS Trần Phú-ĐB	Trần Ngọc	Huy	Nam	9/4	28/01/2005	Toán	A	12,500	Ba	
15	099	06.1888	THCS Chu Văn An-NT	Nguyễn Minh	Hiếu	Nữ	9/1	31/07/2005	Toán	A	12,250	Ba	
16	100	06.1907	THCS Lương Thế Vinh-NT	Thái Nhật	Minh	Nam	9/2	14/01/2005	Toán	A	12,250	Ba	
17	026	02.0459	THCS Mỹ Hòa-ĐL	Nguyễn Đặng Bảo	Nguyên	Nữ	9/6	30/06/2005	Toán	A	12,000	Ba	
18	046	03.0857	THCS Nguyễn Văn Trỗi-ĐB	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	Nam	9/3	18/02/2005	Toán	A	11,750	Ba	
19	048	03.0896	THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc-ĐB	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	9/6	18/04/2005	Toán	A	11,750	Ba	
20	112	07.2105	THCS Lê Quý Đôn-PN	Lê	Hiếu	Nam	9/2	14/07/2005	Toán	A	11,500	Ba	
21	027	02.0486	THCS Nguyễn Thành Hãn-DX	Đoàn Thị Thanh	Vang	Nữ	9/1	06/04/2005	Toán	A	11,250	Ba	
22	113	07.2137	THCS Lê Quý Đôn-PN	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	9/1	10/09/2005	Toán	A	11,250	Ba	
23	048	03.0905	THCS Thu Bồn-ĐB	Trần Hoàng	Uyên	Nữ	9/2	19/05/2005	Toán	A	11,000	Khuyến Khích	
24	079	05.1473	THCS Phan Bội Châu-TB	Võ Hoàng	Phúc	Nam	9/2	18/01/2005	Toán	A	11,000	Khuyến Khích	
25	099	06.1894	THCS Lê Hồng Phong-TK	Trần Gia	Huy	Nam	9	04/02/2005	Toán	A	11,000	Khuyến Khích	
26	113	07.2136	THCS Lê Quý Đôn-PN	Trần Anh	Tinh	Nam	9/1	23/02/2005	Toán	A	11,000	Khuyến Khích	
27	025	02.0423	THCS Chu Văn An-DX	Nguyễn Văn Trung	Ánh	Nam	9/1	01/06/2005	Toán	A	10,750	Khuyến Khích	

TT	Phong	SBD	Truong	Họ và tên		GT	Lớp	Ngày sinh	Môn	Bảng	Điểm	Giải	Ghi chú
28	058	04.1041	THCS Nguyễn Văn Trỗi-HĐ	Nguyễn Công	Đức	Nam	9/1	27/07/2005	Toán	A	10,750	Khuyến Khích	
29	100	06.1913	THCS Nguyễn Khuyến-NT	Đặng Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	9/1	17/12/2005	Toán	A	10,750	Khuyến Khích	
30	101	06.1922	THCS Lý Thường Kiệt-TK	Nguyễn Minh	Quốc	Nam	9	08/01/2005	Toán	A	10,750	Khuyến Khích	
31	047	03.0870	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm-HA	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	9/5	08/06/2005	Toán	A	10,500	Khuyến Khích	
32	078	05.1447	THCS Nguyễn Bá Ngọc-TB	Lê Viết	Mạnh	Nam	9/2	07/02/2005	Toán	A	10,500	Khuyến Khích	
33	079	05.1469	THCS Lê Lợi-TB	Triệu Tấn	Phú	Nam	9/1	13/08/2005	Toán	A	10,500	Khuyến Khích	
34	059	04.1070	THCS Lý Tự Trọng-PS	Võ Văn	Tuấn	Nam	9/2	19/02/2005	Toán	B	9,500	Ba	
35	059	04.1068	THCS Lý Tự Trọng-PS	Lê Quốc	Tuấn	Nam	9/1	06/09/2005	Toán	B	3,000	Khuyến Khích	
36	058	04.1039	THCS Lý Tự Trọng-PS	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	9/3	22/05/2005	Toán	B	2,750	Khuyến Khích	
37	005	01.0052	THCS Thạnh Mỹ-NG	Đỗ Đình	Đức	Nam	9/1	01/03/2005	Toán	B	2,000	Khuyến Khích	

Danh sách gồm: 37 học sinh đạt giải./.

Quảng Nam, ngày 19 tháng 6 năm 2020

GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà Thanh Quốc